

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : *11* /BC-UBND

Tuy Phước, ngày *24* tháng *01* năm 2014

**BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP
CÔNG TÁC VĂN THƯ, LƯU TRỮ NĂM 2013**

Thực hiện Công văn số 1303/SNV-VTLT ngày 05/12/2013 của Sở Nội vụ v/v thực hiện chế độ báo cáo thống kê công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ năm 2013 (báo cáo thống kê theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 09/2013/TT-BNV ngày 31/10/2013 của Bộ Nội vụ), UBND huyện Tuy Phước tổng hợp báo cáo thống kê công tác văn thư, lưu trữ năm 2013 như sau :

1. Báo cáo thống kê tổng hợp công tác văn thư huyện Tuy Phước năm 2013 theo quy định tại Biểu số 01/TH của Thông tư số 09/2013/TT-BNV của Bộ Nội vụ (có phụ lục biểu số 01/TH kèm theo).

2. Báo cáo thống kê tổng hợp công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ huyện Tuy Phước năm 2013 theo quy định tại Biểu số 02/TH của Thông tư số 09/2013/TT-BNV của Bộ Nội vụ (có phụ lục biểu số 02/TH kèm theo).

Kính báo cáo Sở Nội vụ biết và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội Vụ (báo cáo);
- CT.UBND huyện (báo cáo);
- Lưu: VT, NV.

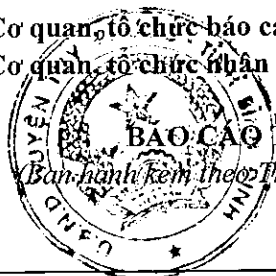


Trần Hữu Lộc

Cơ quan, tổ chức báo cáo: UBND huyện Tuy Phước

Biểu số: 01/TH

Cơ quan, tổ chức nhận báo cáo: Sở Nội vụ



BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP CÔNG TÁC VĂN THƯ NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 09/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nội vụ)

Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng
Tổng số cơ quan, tổ chức thuộc diện báo cáo	Cơ quan, tổ chức	42
Tổng số cơ quan, tổ chức báo cáo	Cơ quan, tổ chức	42
I. Văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ công tác văn thư (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số quy chế, quy trình văn thư	Văn bản	36
- Tổng số danh mục hồ sơ	Văn bản	21
II. Tổ chức, nhân sự làm công tác văn thư (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
1. Tổ chức văn thư		
<i>a) Tổ chức văn thư độc lập</i>		
- Tổng số phòng văn thư	Phòng	
- Tổng số tổ văn thư	Tổ	
- Tổng số bộ phận văn thư	Bộ phận	1
<i>b) Tổ chức văn thư kiêm nhiệm</i>		
- Tổng số phòng văn thư - lưu trữ	Phòng	
- Tổng số tổ văn thư - lưu trữ	Tổ	
- Tổng số bộ phận văn thư - lưu trữ	Bộ phận	41
- Tổng số tổ chức văn thư kiêm nhiệm khác	Tổ chức	
2. Nhân sự làm công tác văn thư		
- Tổng số:	Người	42
Trong đó: Nữ	Người	37
- Kiêm nhiệm các công tác khác	Người	41
<i>a) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ</i>		
- Trên đại học chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	
- Trên đại học chuyên ngành khác	Người	
- Đại học chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	6
- Đại học chuyên ngành khác	Người	27
- Cao đẳng chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	2
- Cao đẳng chuyên ngành khác	Người	
- Trung cấp chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	2
- Trung cấp chuyên ngành khác	Người	4
- Sơ cấp (tập huấn ngắn hạn)	Người	1
<i>b) Ngạch công chức, viên chức, chức danh nghề nghiệp văn thư</i>		
- Chuyên viên cao cấp văn thư	Người	
- Chuyên viên chính văn thư	Người	
- Chuyên viên văn thư	Người	



182

Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng
- Cán sự văn thư	Người	6
- Nhân viên văn thư	Người	1
- Khác	Người	35
c) Độ tuổi		
- Từ 30 trở xuống	Người	15
- Từ 31 đến 40	Người	20
- Từ 41 đến 50	Người	6
- Từ 51 đến 60	Người	1
III. Văn bản đi, văn bản đến (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số văn bản đi	Văn bản	24826
Trong đó: + Văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản	86
+ Văn bản điện tử	Văn bản	0
- Tổng số văn bản đến	Văn bản	25698
Trong đó: Văn bản điện tử	Văn bản	
IV. Hồ sơ (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số hồ sơ phải lập trong năm	Hồ sơ	1470
Trong đó: Hồ sơ tài liệu điện tử	Hồ sơ	0
- Tổng số hồ sơ đã lập trong năm	Hồ sơ	826
Trong đó: Hồ sơ tài liệu điện tử	Hồ sơ	0
V. Trang thiết bị dùng cho văn thư (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Máy vi tính	Chiếc	42
- Máy in	Chiếc	36
- Máy quét (scanner)	Chiếc	1
- Máy sao chụp (photocopy)	Chiếc	42
- Máy FAX	Chiếc	25
- Máy huỷ tài liệu	Chiếc	0

Tuy Phước, ngày 24 tháng 01 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Nhulh
Nguyễn Thị Hoài



**BÁO CÁO THÔNG KÊ TỔNG HỢP
 CÔNG TÁC LƯU TRỮ VÀ TÀI LIỆU LƯU TRỮ NĂM 2013**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 09/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nội vụ)

Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng
Tổng số cơ quan, tổ chức thuộc diện báo cáo	Cơ quan, tổ chức	42
Tổng số cơ quan, tổ chức báo cáo	Cơ quan, tổ chức	42
I. Văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ công tác lưu trữ (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số quy chế, quy trình nghiệp vụ lưu trữ	Văn bản	1
- Tổng số quy chế khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ	Văn bản	2
- Tổng số nội quy ra vào kho lưu trữ	Văn bản	1
- Tổng số bảng thời hạn bảo quản tài liệu	Văn bản	1
II. Tổ chức, nhân sự làm công tác lưu trữ (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
1. Tổ chức lưu trữ		
- Tổng số trung tâm lưu trữ, kho lưu trữ hoặc tương đương	Trung tâm	
- Tổng số phòng lưu trữ	Phòng	
- Tổng số tổ lưu trữ	Tổ	
- Tổng số bộ phận lưu trữ	Bộ phận	42
2. Nhân sự làm công tác lưu trữ		
- Tổng số:	Người	42
<i>Trong đó:</i> Nữ	Người	37
- Kiên nhiệm công tác khác	Người	40
a) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		
- Trên đại học chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	
- Trên đại học chuyên ngành khác	Người	
- Đại học chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	6
- Đại học chuyên ngành khác	Người	27
- Cao đẳng chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	2
- Cao đẳng chuyên ngành khác	Người	
- Trung cấp chuyên ngành văn thư, lưu trữ	Người	2
- Trung cấp chuyên ngành khác	Người	4
- Sơ cấp (tập huấn ngắn hạn)	Người	1
b) Ngạch công chức, viên chức, chức danh nghề nghiệp lưu trữ		
- Lưu trữ viên cao cấp	Người	
- Lưu trữ viên chính	Người	
- Lưu trữ viên	Người	3
- Lưu trữ viên trung cấp	Người	
- Kỹ thuật viên lưu trữ	Người	
c) Độ tuổi		



nhc

Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng
- Từ 30 trở xuống	Người	
- Từ 31 đến 40	Người	
- Từ 41 đến 50	Người	
- Từ 51 đến 60	Người	
III. Tài liệu lưu trữ (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
1. Tài liệu giấy		
- Tổng số phong/sưu tập lưu trữ	Phong/sưu tập	42
Trong đó: Phong/sưu tập đã chỉnh lý hoàn chỉnh	Phong/sưu tập	13
- Tổng số mét giá tài liệu	Mét	45
Trong đó: + Đã chỉnh lý hoàn chỉnh	Hồ sơ/đơn vị bảo quản	1452
+ Quy ra mét giá tài liệu	Mét	14
2. Tài liệu khoa học, kỹ thuật		
- Tổng số công trình/dề tài	Công trình/dề tài	
Trong đó: Công trình/dề tài đã chỉnh lý hoàn chỉnh	Công trình/dề tài	
- Tổng số mét giá tài liệu	Mét	
Trong đó: + Đã chỉnh lý hoàn chỉnh	Hồ sơ/đơn vị bảo quản	
+ Quy ra mét giá	Mét	
3. Tài liệu chuyên môn		
- Tổng số mét giá tài liệu	Mét	
Trong đó: + Đã chỉnh lý hoàn chỉnh	Hồ sơ/đơn vị bảo quản	
+ Quy ra mét giá	Mét	
4. Tài liệu cá nhân, gia đình, dòng họ		
- Tổng số phong /sưu tập tài liệu lưu trữ	Phong/sưu tập	
Trong đó: Phong/sưu tập đã chỉnh lý hoàn chỉnh	Phong/sưu tập	
- Tổng số mét giá tài liệu	Mét	
Trong đó: + Đã chỉnh lý hoàn chỉnh	Hồ sơ/đơn vị bảo quản	
+ Quy ra mét giá	Mét	
5. Tài liệu nghe nhìn		
a) Tổng số tài liệu ghi hình		
- Bộ phim /đoạn phim	Bộ/đoạn	
- Cuộn phim	Cuộn	
- Cuộn băng Video	Cuộn	
- Đĩa	Đĩa	
- Quy ra giờ chiếu	Giờ	
Trong đó: Đã thống kê biên mục	Giờ	
b) Tổng số tài liệu ghi âm		
- Cuộn băng (gốc hoặc sao thay gốc)	Cuộn	
- Đĩa	Đĩa	
- Quy ra giờ nghe	Giờ	
Trong đó: Đã thống kê biên mục	Giờ	
c) Tổng số tài liệu ảnh		
- Phim âm bản (gốc hoặc sao thay gốc)	Chiếc	
Trong đó: Đã thống kê biên mục	Chiếc	

Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng
- Ảnh (gốc hoặc sao thay gốc)	Chiếc	
<i>Trong đó:</i> Đã thống kê biên mục	Chiếc	
<i>d) Tổng số tài liệu bản đồ</i>		
- Bản đồ	Bản đồ	
<i>Trong đó:</i> Đã thống kê biên mục	Bản đồ	
6. Tài liệu điện tử		
- Tổng số hồ sơ tài liệu điện tử	Hồ sơ/MB	
<i>Trong đó:</i> Đã tạo lập cơ sở dữ liệu	Hồ sơ/MB	
IV. Thu thập và loại huỷ tài liệu		
1. Tài liệu giấy		
- Tổng số mét giá tài liệu lưu trữ đã thu thập (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)	Mét	
- Tổng số mét giá tài liệu lưu trữ đã đến thời hạn thu thập nhưng chưa thu thập (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)	Mét	
- Tổng số mét giá tài liệu đã huỷ (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)	Mét	
2. Tài liệu nghe, nhìn		
<i>a) Tổng số tài liệu nghe nhìn đã thu thập (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)</i>		
- Cuộn phim	Cuộn	
- Cuộn băng Video	Cuộn	
- Cuộn băng ghi âm	Cuộn	
- Đĩa ghi hình	Đĩa	
- Đĩa ghi âm	Đĩa	
- Phim âm bản	Chiếc	
- Ảnh	Chiếc	
- Bản đồ	Bản đồ	
<i>b) Tổng số tài liệu nghe nhìn đã đến thời hạn thu thập nhưng chưa thu thập (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)</i>		
- Cuộn phim	Cuộn	
- Cuộn băng Video	Cuộn	
- Cuộn băng ghi âm	Cuộn	
- Đĩa ghi hình	Đĩa	
- Đĩa ghi âm	Đĩa	
- Phim âm bản	Chiếc	
- Ảnh	Chiếc	
- Bản đồ	Bản đồ	
<i>c) Tổng số tài liệu nghe nhìn đã huỷ (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)</i>		
- Cuộn phim	Cuộn	
- Cuộn băng Video	Cuộn	
- Cuộn băng ghi âm	Cuộn	
- Đĩa ghi hình	Đĩa	
- Đĩa ghi âm	Đĩa	
- Phim âm bản	Chiếc	
- Ảnh	Chiếc	

nhit

Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng
- Bản đồ	Bản đồ	
3. Tài liệu điện tử		
- Tổng số hồ sơ tài liệu điện tử đã thu thập (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)	Hồ sơ/MB	
<i>Trong đó:</i> Đã tạo lập cơ sở dữ liệu	Hồ sơ/MB	
- Tổng số hồ sơ tài liệu điện tử đã đến thời hạn thu thập nhưng chưa thu thập (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)	Hồ sơ/MB	
<i>Trong đó:</i> Đã tạo lập cơ sở dữ liệu	Hồ sơ/MB	
- Tổng số hồ sơ tài liệu điện tử đã huỷ (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)	Hồ sơ/MB	
<i>Trong đó:</i> Đã tạo lập cơ sở dữ liệu	Hồ sơ/MB	
V. Tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ		
1. Tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ tại phòng đọc (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số lượt người khai thác sử dụng tài liệu	Lượt người	
<i>a) Tổng số tài liệu đưa ra phục vụ khai thác sử dụng</i>		
- Hồ sơ/đơn vị bảo quản	Hồ sơ/đơn vị bảo quản	368
- Tài liệu	Tài liệu	596
- Ảnh	Ảnh	
- Ghi âm, ghi hình	Giờ	
<i>a) Tổng số tài liệu được sao chụp, cấp chứng thực lưu trữ</i>		
- Tổng số tài liệu được sao chụp	Tài liệu/ trang	
- Tổng số tài liệu được cấp chứng thực lưu trữ	Tài liệu/ trang	
- Tổng số yêu cầu của độc giả	Yêu cầu	
<i>Trong đó:</i> Yêu cầu của độc giả được trả lời	Yêu cầu	
2. Công bố, trưng bày, triển lãm, xuất bản phẩm tài liệu lưu trữ (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số bài công bố, giới thiệu	Bài viết	
- Tổng số lần trưng bày, triển lãm	Lần	
- Tổng số ấn phẩm xuất bản	Ấn phẩm	
3. Công cụ tra cứu (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số phong/sưu tập lưu trữ có mục lục hồ sơ	Phong/sưu tập	
- Tổng số công trình/đề tài có mục lục hồ sơ	Công trình/đề tài	
- Tổng số giờ tài liệu nghe nhìn có thống kê biên mục	Giờ	
- Tổng số phim âm bản có thống kê biên mục	Chiếc	
- Tổng số ảnh có thống kê biên mục	Chiếc	
- Tổng số mục lục chuyên đề	Mục lục	
- Tổng số sách chỉ dẫn phong lưu trữ	Sách	
- Thẻ tra tìm	Phiếu	
VI. Nghiên cứu khoa học về công tác văn thư, lưu trữ (tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
- Tổng số chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu	Chương trình/đề tài	

nh

Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Số lượng
<i>Trong đó:</i> + Cấp Nhà nước	Chương trình/đề tài	
+ Cấp Bộ/ngành	Chương trình/đề tài	
+ Cấp cơ sở	Chương trình/đề tài	
- Tổng số chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học đưa vào ứng dụng	Chương trình/đề tài	
<i>Trong đó:</i> + Cấp Nhà nước	Chương trình/đề tài	
+ Cấp Bộ/ngành	Chương trình/đề tài	
+ Cấp cơ sở	Chương trình/đề tài	
VII. Kho lưu trữ, trang thiết bị dùng cho lưu trữ (tính đến ngày 31/12 năm báo cáo)		
1. Kho lưu trữ		
- Diện tích kho lưu trữ chuyên dụng	m ²	
<i>Trong đó:</i> + Diện tích kho lưu trữ chuyên dụng đã sử dụng để bảo quản tài liệu	m ²	
+ Diện tích kho lưu trữ chuyên dụng chưa sử dụng để bảo quản tài liệu	m ²	
- Diện tích kho lưu trữ không chuyên dụng	m ²	
- Diện tích kho tạm	m ²	
2. Trang thiết bị dùng cho lưu trữ		
- Chiều dài giá/tủ bảo quản tài liệu	Mét	
<i>Trong đó:</i> + Giá cố định	Mét	560
+ Giá di động	Mét	100
- Camera quan sát	Chiếc	
- Hệ thống chống đột nhập	Hệ thống	
- Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động	Hệ thống	
- Bình chữa cháy khí, bọt,...	Chiếc	
- Hệ thống điều hoà nhiệt độ trung tâm	Hệ thống	
- Máy điều hoà nhiệt độ	Chiếc	
- Máy hút ẩm	Chiếc	
- Dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm	Chiếc	
- Thiết bị thông gió	Chiếc	
- Máy khử trùng tài liệu bằng phương pháp đông lạnh hoặc hút chân không,...	Chiếc	
- Máy khử axit	Chiếc	
- Hệ thống thiết bị tu bổ, phục chế tài liệu	Hệ thống	
- Hệ thống thiết bị lập bản sao bảo hiểm microfilm	Hệ thống	
- Mạng diện rộng	Hệ thống	
- Mạng nội bộ	Hệ thống	1
- Máy chủ	Chiếc	1
- Máy tính cá nhân	Chiếc	36
- Máy quét (scanner)	Chiếc	1
- Máy sao chụp	Chiếc	



NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ và tên)

Nhulh
 Nguyễn Thị Bích

Tuy Phước, ngày 24 tháng 01 năm 2014.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)